TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2018/HS-ST
Ngày: 31-7-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quốc Huy

2. Bà Đinh Thị Tin

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Hưng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoa - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 18/2018/TLST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2018/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. **Phạm Văn H**, sinh năm 1975

Nơi cư trú: Thôn N, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị V; có vợ và hai con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/10/2017 đến ngày 04/11/2017 được cho tại ngoại; có mặt.

2. **Đỗ Văn Kh**, sinh năm 1980

Nơi cư trú: Thôn Tr, xã P, huyện KT, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn K và bà Nguyễn Thị S; có vợ và ba con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

3. **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1975

Nơi cư trú: Thôn N, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 2/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Xìa và bà Phạm Thị

Toan; có vợ và hai con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 10/7/2006 và ngày 30/3/2010 bị Công an huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc; bị cáo tại ngoại; có mặt.

4. **Nguyễn Thị Diệu L**, sinh năm 1986

Nơi cư trú: Thôn TN, xã Đ, huyện AD, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đăng K và bà Nguyễn Thị T; có chồng và hai con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/10/2017 đến ngày 04/11/2017 được cho tại ngoại; có mặt.

5. **Lưu Văn A**, sinh năm 1974

Nơi cư trú: Thôn ND, xã AH, huyện AD, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Văn Ư và bà Tống Thị V; có vợ và ba con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/10/2017 đến ngày 04/11/2017 được cho tại ngoại; có mặt.

6. **Đỗ Văn C**, sinh năm 1976

Nơi cư trú: Phố G, thị trấn PT, huyện KT, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Tiến V và bà Nguyễn Thị X; có vợ và ba con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/10/2017 đến ngày 04/11/2017 được cho tại ngoại; có mặt.

7. **Nguyễn Thị E** (tức Lê Thị E), sinh năm 1967

Nơi cư trú: Thôn PT, xã VP, huyện VB, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa (học vấn): 4/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Nh và bà Phùng Thị Th; có chồng và hai con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/10/2017 đến ngày 04/11/2017 được cho tại ngoại; bị cáo bỏ trốn và việc truy nã không có kết quả.

8. **Phạm Thị G**, sinh năm 1996

Nơi cư trú: Thôn TX, xã AH, huyện AD, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Công K và bà Trương Thị M; có một con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/10/2017 đến ngày 04/11/2017 được cho tại ngoại; có mặt.

9. **Trần Văn D**, sinh năm 1976

Nơi cư trú: Thôn HT, xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Minh Đ và bà Nguyễn Thị T; có vợ và năm con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 05/7/2003 bị Công

an huyện Kinh Môn xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/10/2017 đến ngày 04/11/2017 được cho tại ngoại; có mặt.

10. **Ngô Văn I**, sinh năm 1983

Nơi cư trú: Thôn ND, xã AH, huyện AD, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn G và bà Lưu Thị S; có vợ và một con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 51/2011/HSST ngày 05/8/2011, Tòa án nhân dân huyện AD, thành phố Hải Phòng xử phạt bị cáo 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc", bị cáo chấp hành xong phần thi hành án dân sự ngày 05/8/2011; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/10/2017 đến ngày 04/11/2017 được cho tại ngoại; có mặt.

11. **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1978

Nơi cư trú: Khu ĐK, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Vũ D và bà Lê Thị V; có chồng và một con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/10/2017 đến ngày 04/11/2017 được cho tại ngoại; có mặt.

12. **Mai Thị Q**, sinh năm 1996

Nơi cư trú: Thôn Xuyên Đông, xã Đại Bản, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn Đ và bà Trần Thị Đ1; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/10/2017 đến ngày 04/11/2017 được cho tại ngoại; có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn CT, xã NS, huyện AD, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Anh Phạm Quang Tr, sinh năm 1988

Địa chỉ: Xã ĐB, huyện AD, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Anh Đỗ Quang Đ2, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn TN, xã CH, huyện KT, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng hơn 23 giờ ngày 29/10/2017, tại quán Karaoke TV thuộc Phố G, thị trấn PT, huyện KT, tỉnh Hải Dương do Đỗ Văn C làm chủ quán, trong khi C, Nguyễn Văn P, Đỗ Văn Kh, Trần Văn D và một số người khác không rõ tên tuổi, địa chỉ đang ngồi chơi, uống nước thì có người rủ đi đánh bạc (không xác định được là người nào), mọi người đồng ý. Sau đó có người nói với P xem có chỗ nào nhờ địa điểm đánh bạc không. P dùng điện thoại di động của P gọi vào

điện thoại di động SamSung Galaxy J5 của Phạm Văn H hỏi mượn địa điểm nhà H để đánh bạc, H đồng ý. Sau đó, P, Kh, D cùng một số người đi lên xe ô tô loại 16 chỗ ngồi, biển số 29B-002.16 của anh Đỗ Quang Đ2, sinh năm 1980, trú tại: Thôn TN, xã CH, huyện KT, tỉnh Hải Dương để đi đánh bạc (trước đó, P có ý định đi chơi nên gọi điện thoại thuê xe của anh Đức đến quán Karaoke TV đón P). Vì đang bận bán hàng ở quán, nên C không đi cùng mọi người. Lúc đó, Nguyễn Thị E, Nguyễn Thị M, Mai Thị Q, Phạm Thị G, Nguyễn Thị Diệu L, Lưu Văn A, Ngô Văn I, Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1989, trú tại: Thôn CT, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng và một số người đi đến quán Karaoke TV, thấy P cùng mọi người đang lên xe ô tô của anh Đức, thì E, M, Q, G, L, A, I, Chức và một số người khác cũng đi theo. P chỉ đường cho anh Đức lái xe đến đoạn đường đê gần nhà H thuộc thôn N, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương thì bảo anh Đức dừng xe, rồi P cùng mọi người đi bộ vào gian nhà thuộc khu vườn chuyển đổi của H. Do trời tối, P gọi điện thoại cho H để H soi đèn dẫn mọi người vào nhà. Sau đó, có người lấy 01 chiếc bát, 01 chiếc đĩa bằng sứ và 04 quân vị hình tròn, đường kính 1,5cm được cắt từ quân bài chắn để dưới nền nhà (không xác định được là người nào). Khoảng 00 giờ ngày 30/10/2017, tại gian phòng khách của gia đình H, Kh cho 04 quân vị hình tròn vào đĩa, úp bát lên xóc (gọi là xóc cái) cho P, D, I, A, E, M, Q, G, L và một số người khác (không rõ tên và địa chỉ) tham gia đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa ăn tiền theo hai cửa chẵn và lẻ. Khi mở bát ra nếu có 02 hoặc 04 quân vị cùng màu thì gọi là chẵn, nếu có 01 hoặc 03 quân vị cùng màu thì gọi là lẻ, cả nhóm không quy định mỗi ván đánh thấp nhất là bao nhiêu tiền, cao nhất là bao nhiêu tiền; khi mở bát ra mà chẵn thì người đặt tiền bên chẵn sẽ được bạc, người đặt tiền bên lẻ sẽ bị thua và ngược lại. Người được bạc được lấy lại số tiền đã đặt và được người xóc cái trả số tiền thắng bạc bằng số tiền đã đặt. Người thua bạc sẽ mất số tiền đặt cửa cho người xóc cái. Trong khi đánh bạc, thì có một người nam giới (không xác định được cụ thể là ai) thu tiền hồ của một số người chơi bạc, mỗi người từ 30.000 đồng đến 50.000 đồng mục đích để trả cho chủ nhà. Chức ngồi phía ngoài sân nhà H chơi, không tham gia đánh bạc. Khoảng 00 giờ 15 phút cùng ngày, C đến nhà H và vào tham gia đánh bạc cùng mọi người. Khoảng 01 giờ 30 phút cùng ngày, khi Kh đang xóc cái cho mọi người đánh bạc thì bị Tổ công tác thuộc công an huyện Kinh Môn phát hiện bắt quả tang, thu tại chiếu bạc số tiền 16.700.000 đồng, 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 01 quân vị hình tròn được cắt từ quân bài chắn. Kiểm tra trong người thu của C số tiền 5.200.000 đồng; thu của E số tiền 5.000.000 đồng; thu của A số tiền 6.500.000 đồng; thu của G số tiền 2.137.000 đồng; thu của D số tiền 520.000 đồng; thu của Q số tiền 16.500.000 đồng; thu của L số tiền 6.300.000 đồng; thu của H 01 điện thoại di động SamSung Galaxy J5; thu của anh Ch số tiền 550.000 đồng. Khi đó, chưa ai đưa tiền hồ cho H. Lợi dụng sơ hở, khi lực lượng công an bắt quả tang, Kh, P và một số người không rõ tên, địa chỉ bỏ chạy thoát. Ngày 02/11/2017 và ngày 10/11/2017, Kh và P đến công an huyện K đầu thú.

Khi tham gia đánh bạc, C khai đem theo 6.700.000 đồng, bỏ ra 1.500.000 đồng đánh bạc, số tiền 5.200.000 đồng bị công an thu giữ là tiền sẽ sử dụng vào

việc đánh bạc; A khai đem theo 8.000.000 đồng, bỏ ra 1.500.000 đồng đánh bạc, số tiền 6.500.000 đồng bị công an thu giữ là tiền sẽ sử dụng vào việc đánh bạc; E khai đem theo 6.400.000 đồng, bỏ ra 1.400.000 đồng đánh bạc, số tiền 5.000.000 đồng bị công an thu giữ là tiền sẽ sử dụng vào việc đánh bạc; G khai đem theo 3.137.000 đồng, bỏ ra 1.000.000 đồng đánh bạc, số tiền 2.137.000 đồng bị công an thu giữ là tiền sẽ sử dụng vào việc đánh bạc; D khai đem theo 1.220.000 đồng bỏ ra đánh bạc, số tiền 520.000 đồng bị công an thu giữ là tiền sử dụng vào việc đánh bạc còn lại; Q khai đem theo 18.000.000 đồng, bỏ ra 1.500.000 đồng đánh bạc, số tiền 16.500.000 đồng bị công an thu giữ không sử dụng vào việc đánh bạc mà là tiền sử dụng đi mua mỹ phẩm về bán; L khai đem theo 8.050.000 đồng, bỏ ra 1.750.000 đồng đánh bạc, số tiền 6.300.000 đồng bị công an thu giữ là tiền sẽ sử dụng vào việc đánh bạc; I khai có 1.500.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc; M khai có 1.500.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc; P khai có 800.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc.

Ngày 30/10/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Kinh Môn tạm quản lý của anh Đỗ Quang Đ2 chiếc xe ô tô biển số 29B-002.16. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện K đã trả lại anh Đ2 chiếc xe ô tô trên và trả lại Q số tiền 16.500.000 đồng, trả lại anh Ch số tiền 550.000 đồng không liên quan đến việc phạm tội. Đối với 03 quân vị hình tròn các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc, quá trình bắt quả tang do các đối tượng bỏ chạy bị lẫn mất và chiếc điện thoại di động của P sử dụng vào việc phạm tội, sau đó P đã làm mất, đến nay Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện K không thu hồi được.

Tại Cáo trạng số 18/CT-VKSKM ngày 25/02/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn truy tố bị cáo Phạm Văn H về tội "Gá bạc" theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999; truy tố các bị cáo Đỗ Văn Kh, Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị Diệu L, Lưu Văn A, Đỗ Văn C, Nguyễn Thị E, Phạm Thị G, Trần Văn D, Ngô Văn I, Nguyễn Thị M và Mai Thị Q về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo khai nhận hành vi như đã nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn giữa nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn H phạm tội "Gá bạc", các bị cáo Đỗ Văn Kh, Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị Diệu L, Lưu Văn A, Đỗ Văn C, Nguyễn Thị E, Phạm Thị G, Trần Văn D, Ngô Văn I, Nguyễn Thị M và Mai Thị Q phạm tội "Đánh bạc".

Áp dụng khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999, khoản 2 Điều 7, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Phạm Văn H từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng tính từ

ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1, 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Đỗ Văn Kh từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND xã P, huyện KT, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1, 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1, 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Diệu L từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND xã ĐB, huyện AD, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1, 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lưu Văn A từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND xã AH, huyện AD, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Đỗ Văn C từ 18 đến 21 tháng cải tạo không giam giữ, trừ 06 ngày tạm giữ quy đổi bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành từ 17 tháng 12 ngày đến 20 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày UBND thị trấn P, huyện KT, tỉnh Hải Dương nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ từ 10 đến 15% thu nhập của bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ sung quỹ nhà nước. Giao bị cáo cho UBND thị trấn P, huyện KT, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo bị cáo Nguyễn Thị E (tức Lê Thị E) từ 10 đến 12 tháng tù, được trừ 06 ngày đã tạm giữ, còn phải chấp hành từ 09 tháng 24 ngày đến 11 tháng 24 ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Phạm Thị G từ 18 đến 21 tháng cải tạo không giam giữ, trừ 06 ngày tạm giữ quy đổi bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành từ 17 tháng 12 ngày đến 20 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày UBND xã AH, huyện AD, thành phố Hải Phòng nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ từ 10 đến 15% thu nhập của bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ sung quỹ nhà nước. Giao bị cáo cho UBND xã AH, huyện AD, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Văn D từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, trừ 06 ngày tạm giữ quy đổi bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành từ 14 tháng 12 ngày đến 17 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày UBND xã HT, huyện K, tỉnh Hải Dương nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ từ 10 đến 15% thu nhập của bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ sung quỹ nhà nước. Giao bị cáo cho UBND xã HT, huyện K, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Ngô Văn I từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, trừ 06 ngày tạm giữ quy đổi bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành từ 14 tháng 12 ngày đến 17 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày UBND xã AH, huyện AD, thành phố Hải Phòng nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ từ 10 đến 15% thu nhập của bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ sung quỹ nhà nước. Giao bị cáo cho UBND xã AH, huyện AD, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, trừ 06 ngày tạm giữ quy đổi bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành từ 14 tháng 12 ngày đến 17 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày UBND phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ từ 10 đến 15% thu nhập của bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ sung quỹ nhà nước. Giao bị cáo cho UBND phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Mai Thị Q từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, trừ

06 ngày tạm giữ quy đổi bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành từ 14 tháng 12 ngày đến 17 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày UBND xã ĐB, huyện AD, thành phố Hải Phòng nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ từ 10 đến 15% thu nhập của bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ sung quỹ nhà nước. Giao bị cáo cho UBND xã ĐB, huyện AD, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung:

Áp dụng khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999 phạt bị cáo Phạm Văn H từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng sung quỹ nhà nước.

Áp dụng khoản 3 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999, khoản 2 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 phạt các bị cáo Đỗ Văn Kh, Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị Diệu L, Lưu Văn A, Đỗ Văn C, Nguyễn Thị E (tức Lê Thị E), Phạm Thị G, Trần Văn D, Ngô Văn I, Nguyễn Thị M và Mai Thị Q mỗi bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng sung quỹ nhà nước.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu của bị cáo H chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy J5 cho phát mại sung quỹ Nhà nước; tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 42.357.000 đồng các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc; tịch thu cho hủy bỏ 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 01 quân vị hình tròn được cắt ra từ quân bài chắn.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Cơ quan điều tra Công an huyện Kinh Môn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến kH nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Bị cáo Nguyễn Thị E (tức Lê Thị E) bỏ trốn trong giai đoạn xét xử và việc truy nã không có kết quả, Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 290 Bộ luật Tố tụng hình sự để xét xử vắng mặt bị cáo E.

[2]. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp lời khai của người làm chứng, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 00 giờ ngày 30/10/2017,

Phạm Văn H đã dùng nhà ở của mình tại khu vườn chuyển đổi thuộc thôn N, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương cho Đỗ Văn Kh, Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị Diệu L, Lưu Văn A, Đỗ Văn C, Nguyễn Thị E (tức Lê Thị E), Phạm Thị G, Trần Văn D, Ngô Văn I, Nguyễn Thị M và Mai Thị Q cùng một số người khác đánh bạc trái phép bằng hình thức sóc đĩa được thua bằng tiền, đến khoảng 01 giờ 30 phút cùng ngày bị lực lượng Công an huyện Kinh Môn phát hiện bắt quả tang thu giữ vật chứng gồm: 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 01 quân vị hình tròn đường kính 1,5cm được cắt từ quân bài chắn và số tiền 42.357.000 đồng các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng, nếp sống văn minh của xã hội. Các bị cáo đều có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi đánh bạc trái phép sát phạt nhau bằng tiền và chứa chấp việc đánh bạc trái phép bị pháp luật cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo Phạm Văn H sử dụng địa điểm là nhà ở của mình chứa chấp cho 11 bị cáo khác đánh bạc với tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc trong cùng một lúc là 42.357.000 đồng là thuộc trường hợp "có quy mô lớn" theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Hành vi của Phạm Văn H đủ yếu tố cấu thành tội "Gá bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999. Do quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 về tội "Gá bạc" không có lợi cho bị cáo nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn truy tố bị cáo H theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ. Tại thời điểm xảy ra sự việc, hành vi của các bị cáo Đỗ Văn Kh, Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị Diệu L, Lưu Văn A, Đỗ Văn C, Nguyễn Thị E (tức Lê Thị E), Phạm Thị G, Trần Văn D, Ngô Văn I, Nguyễn Thị M và Mai Thị Q đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tại thời điểm truy tố, xét xử Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đã có hiệu lực pháp luật, Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định về tội "Đánh bạc" có lợi cho các bị cáo. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ.

[3]. Hành vi đánh bạc trong vụ án này là vụ đồng phạm, trong đó Đỗ Văn Kh là người cầm cái, Nguyễn Văn P là người liên hệ địa điểm đánh bạc nên giữ vai trò chính, tiếp đến là Nguyễn Thị Diệu L, Lưu Văn A, Đỗ Văn C, Nguyễn Thị E, Phạm Thị G, Trần Văn D, Ngô Văn I, Nguyễn Thị M, Mai Thị Q là người thực hành hành vi đánh bạc.

[4]. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình tố tụng, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận tội nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Các bị cáo Đỗ Văn Kh, Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị Diệu L, Lưu Văn A, Đỗ Văn C, Nguyễn Thị E (tức Lê Thị E), Phạm Thị G, Trần Văn D, Nguyễn Thị M và Mai Thị Q lần đầu phạm tội, tính chất hành vi thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên đều được hưởng một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1

Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo Phạm Văn H có mẹ đẻ được tặng Huy cG kháng chiến hạng Nhất nên được hưởng một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo Đỗ Văn Kh có bố đẻ được tặng Huy cG kháng chiến hạng Nhì và Huân cG chiến sỹ giải phóng hạng Ba, bị cáo Nguyễn Văn P có bố đẻ được tặng Huy cG kháng chiến hạng Nhất, khi lực lượng công an đến bắt quả tang các bị cáo bỏ trốn nhưng sau ra đó ra đầu thú nên các bị cáo Kh và P được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo Phạm Thị G khi phạm tội là đối tượng đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi nên được hưởng một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo Trần Văn D có bố đẻ được tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhất và Huân chương chiến công hạng Ba nên được hưởng một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5]. Về nhân thân: Bị cáo Phạm Văn H, Đỗ Văn Kh, Nguyễn Thị Diệu L, Lưu Văn A, Đỗ Văn C, Nguyễn Thị E, Phạm Thị G, Nguyễn Thị M, Mai Thị Q chưa có tiền án, tiền sự, nhân thất tốt. Bị cáo Nguyễn Văn P hai lần bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc vào năm 2006 và 2010; bị cáo Trần Văn D một lần bị xử phạt vi phạm hành chính vào năm 2003; bị cáo Ngô Văn I một lần bị xét xử và bị tuyên án 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội đánh bạc vào năm 2011 nhưng đều đã được xóa án tích và được coi như chưa vi phạm hành chính nhiều năm.

[6]. Hội đồng xét xử thấy các bị cáo Phạm Văn H, Đỗ Văn Kh, Nguyễn Thị Diệu L, Lưu Văn A có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này, luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú; bị cáo Nguyễn Văn P tuy đã bị xử lý hành chính nhưng thời gian được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính đã được hơn bẩy năm, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho các bị cáo hưởng án treo và phải chịu thời gian thử thách theo quy định cũng đủ trừng trị, giáo dục các bị cáo. Bị cáo Nguyễn Thị E (tức Lê Thị E) bỏ trốn trong giai đoạn xét xử và việc truy nã không có kết quả nên cần áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để trừng trị, giáo dục bị cáo. Các bị cáo Đỗ Văn C, Phạm Thị G, Nguyễn Thị M, Mai Thị Q, Trần Văn D, Ngô Văn I có vai trò thứ yếu trong vụ đồng phạm, có nơi cư trú rõ ràng, không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ trừng trị, giáo dục các bị cáo. Trong thời gian áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, các bị cáo phải bị khấu trừ thu nhập theo quy định. Thời gian các bị cáo đã bị tạm giữ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Xét tính chất hành vi các bị cáo thực hiện, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với tất

cả các bị cáo. Đối với các bị cáo phạm tội đánh bạc, mức hình phạt bổ sung sẽ được cân nhắc theo khoản 3 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 vì mức hình phạt bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 bất lợi cho các bị cáo.

[8] Về vật chứng: Chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy J5 là tài sản thuộc quyền sở hữu của bị cáo H, bị cáo sử dụng và việc phạm tội nên cần tịch thu cho phát mại sung quỹ Nhà nước; số tiền 42.357.000 đồng các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc cần tịch thu sung quỹ Nhà nước; 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 01 quân vị hình tròn được cắt ra từ quân bài chắn là công cụ phạm tội của các bị cáo có giá trị thấp cần tịch thu cho hủy bỏ theo điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Chiếc điện thoại bị cáo P sử dụng để liên lạc mượn địa điểm đánh bạc bị cáo đã đánh rơi mất và 03 quân vị hình tròn không thu hồi được nên không đặt ra xem xét.

[9] Về án phí: Các bị cáo bị kết tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999, khoản 2 Điều 7, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Phạm Văn H;

Căn cứ khoản 3 Điều 7, khoản 1, 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Đỗ Văn Kh và Nguyễn Văn P.

Căn cứ khoản 3 Điều 7, khoản 1, 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Nguyễn Thị Diệu L và Lưu Văn A.

Căn cứ khoản 3 Điều 7, khoản 1, 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Đỗ Văn C.

Căn cứ khoản 3 Điều 7, khoản 1, 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Thị E (tức Lê Thị E).

Căn cứ khoản 3 Điều 7, khoản 1, 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Phạm Thị G và Trần Văn D.

Căn cứ khoản 3 Điều 7, khoản 1, 3 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Ngô Văn I.

Căn cứ khoản 3 Điều 7, khoản 1, 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Nguyễn Thị M và Mai Thị Q.

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đối với tất cả các bị cáo,

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn H phạm tội "Gá bạc", các bị cáo Đỗ Văn Kh, Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị Diệu L, Lưu Văn A, Đỗ Văn C, Nguyễn Thị E (tức Lê Thị E), Phạm Thị G, Trần Văn D, Ngô Văn I, Nguyễn Thị M và Mai Thị Q phạm tội "Đánh bạc".

2. Về hình phạt chính:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Phạm Văn H cho UBND xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn Kh 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Đỗ Văn Kh cho UBND xã PT, huyện KT, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Văn P cho UBND xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Diệu L 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Thị Diệu L cho UBND xã ĐB, huyện AD, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Lưu Văn A 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Lưu Văn A cho UBND xã AH, huyện AD, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi địa chỉ cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn C 21 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 06 ngày đã bị tạm giữ quy đổi bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 20 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Đỗ Văn C cho UBND thị trấn P, huyện KT, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị G 21 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 06 ngày đã bị tạm giữ quy đổi bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 20 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Phạm Thị G cho UBND xã AH, huyện AD, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Trần Văn D 18 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 06 ngày đã bị tạm giữ quy đổi bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 17 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Trần Văn D cho UBND xã HT, huyện K, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Ngô Văn I 18 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 06 ngày đã bị tạm giữ quy đổi bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 17 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Ngô Văn I cho UBND xã AH, huyện AD, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M 18 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 06 ngày đã bị tạm giữ quy đổi bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 17 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Nguyễn Thị M cho UBND phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Mai Thị Q 18 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 06 ngày đã bị tạm giữ quy đổi bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 17 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo Mai Thị Q cho UBND xã ĐB, huyện AD, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ của các bị cáo Đỗ Văn C, Phạm Thị G, Trần Văn D, Ngô Văn I, Nguyễn Thị M và Mai Thị Q tính từ ngày UBND xã nơi các bị cáo thường trú nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Khấu trừ 10% thu nhập của các bị cáo Đỗ Văn C, Phạm Thị G, Trần Văn D, Ngô Văn I, Nguyễn Thị M và Mai Thị Q trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ để sung quỹ Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị E (tức Lê Thị E) 10 tháng tù được trừ 06 ngày tạm giữ, còn phải chấp hành 09 tháng 24 ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Phạm Văn H 10.000.000 đồng; Đỗ Văn Kh, Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị Diệu L mỗi bị cáo 7.000.000 đồng; Lưu Văn A, Đỗ Văn C, Nguyễn Thị E (tức Lê Thị E), Phạm Thị G, Trần Văn D, Ngô Văn I, Nguyễn Thị M và Mai Thị Q mỗi bị cáo 5.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

4. Về vật chứng: Tịch thu của bị cáo H chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy J5 cho phát mại sung quỹ Nhà nước; tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 42.357.000 đồng các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc; tịch thu cho hủy bỏ 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 01 quân vị hình tròn được cắt ra từ quân bài chắn (toàn bộ vật chứng hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kinh Môn quản lý).

5. Về án phí: Buộc các bị cáo Phạm Văn H, Đỗ Văn Kh, Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị Diệu L, Lưu Văn A, Đỗ Văn C, Nguyễn Thị E (tức Lê Thị E), Phạm Thị G, Trần Văn D, Ngô Văn I, Nguyễn Thị M và Mai Thị Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị cáo Nguyễn Thị E (tức Lê Thị E) vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Kinh Môn;
- VKSND tỉnh Hải Dương (P7);
- Công an huyện Kinh Môn;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hữu Hiệu